

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS- ST

Ngày: 14/4/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đình Tâm;

2. Bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2021/TLST- DS, ngày 06 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 03 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-DS ngày 24/3/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng V (VPB)

Địa chỉ trụ sở: Số 89 LH, Phường LH, quận Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị VPB

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ Pháp lý

Người đại diện theo ủy quyền lại:

- Ông Trần Tuấn K – Chuyên viên xử lý nợ.(vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Dương Thị Thu H, sinh năm: 2001

Địa chỉ: Thôn TL, xã TT, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021 và trong các bản tự khai ngày 30/12/2021, 23/03/2022, cũng như đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23/03/2022, đại diện ngân hàng V trình bày:

Chị Dương Thị Thu H đã vay vốn của VPB với số tiền là 955.016.000 đồng (Chín trăm năm mươi lăm triệu không trăm mười sáu nghìn đồng) theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số LN2103303548769 ngày 08/04/2021 và số tiền

47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 374-P-0222800 ngày 13/4/2021 và khế ước nhận nợ, văn bản tín dụng kèm theo. Mục đích vay: Mua xe ô tô. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu VINFAST LUX A, khung số RPXAB2RSGLV003739; số máy: 201500040VF20SED; biển kiểm soát 36A-624.61 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Dương Thị Thu H theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số LN2103303548769 ngày 08/04/2021. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị Dương Thị Thu H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10/7/2021. Bên Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng chị H không thực hiện. Dư nợ tạm tính đến ngày 23/03/2022 là: Nợ gốc: 978.971.195 đồng; nợ lãi 114.997.598 đồng (Một trăm mười bốn triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm chín tám đồng); phạt chậm trả lãi là 4.462.293 đồng (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm chín mươi ba đồng).

Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Yêu cầu Tòa án buộc chị Dương Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 23/03/2022 cho cả hai hợp đồng nêu trên là: 1.098.431.068 đồng (Một tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi một nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng). Trong đó, nợ gốc là 978.971.195 đồng (chín trăm bảy tám triệu, chín trăm bảy mươi nghìn, một trăm chín lăm đồng), nợ lãi 114.997.598 đồng (Một trăm mười bốn triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm chín tám đồng); phạt chậm trả lãi là 4.462.293 đồng (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm chín mươi ba đồng) và các khoản phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Yêu cầu tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kèm theo cho đến ngày bà Dương Thị Thu H thanh toán hết nợ cho VPB. Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án với nội dung kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Dương Thị Thu H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ đã nêu ở trên thì VPB có quyền thu giữ tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST LUX, số khung RPXAB2RSGLV003739; số máy 201500040VF20SED; Biển kiểm soát 36A-624.61 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Dương Thị Thu H theo Hợp đồng vay kiêm hợp đồng thế chấp số LN2103303548769 ngày 08/4/2021. Trường hợp tài sản sau khi kê biên, phát mại không đủ để tất toán khoản vay thì VPB có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của chị Dương Thị Thu H và các nguồn thu nhập hợp pháp khác để thu hồi nợ cho VPB. Ngày 14/04/2022 Ngân hàng giao nộp bảng tính dư nợ của chị Dương Thị Thu H yêu cầu chị H trả cho ngân hàng tổng số tiền là 1.109.075.503đ trong đó nợ lãi là 124.972.491 và lãi phạt chậm trả là 5.131.817đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị H đã rời khỏi địa phương, đi đâu, làm gì Chính quyền địa phương không được báo cáo và hiện nay không rõ địa chỉ nên không thể tổng đạt được các văn bản tố tụng cho chị H. Do đó trong hồ sơ vụ án không có lời khai của

chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc chị H rời khỏi địa phương không thông báo cho chính quyền địa phương và phía nguyên đơn biết nhằm mục đích trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ với nguyên đơn, đây được coi là cố tình giấu địa chỉ nên việc Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V. Buộc chị H phải trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng V và chị Dương Thị Thu H đang tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” do chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị Dương Thị Thu H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn TL, xã TT, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện T.

Chị Dương Thị Thu H đã rời khỏi địa phương đến nay không rõ địa chỉ. Việc chị H thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Chính quyền địa phương cũng như không thông báo địa chỉ mới cho phía nguyên đơn biết nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ đối với phía nguyên đơn. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS, Điều 6 nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Cũng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của chị H nhưng nguyên đơn không thể xác định được địa chỉ mới của chị H và đã đề nghị Tòa án hỗ trợ về việc giao gửi tài liệu cho bị đơn theo khoản 9 Điều 70 của BLTTDS. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng do chị H không có mặt tại địa phương và không rõ địa chỉ cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai toàn bộ các văn bản tố tụng trên theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt chị H và đã niêm yết kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Do chị H vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập họp lệ chị H lần thứ

hai đến để tham gia phiên toà nhưng chị H vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện Ngân hàng V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của các hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, các hợp đồng mà Ngân hàng và chị H có giá trị pháp lý và bắt buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng.

[3] Về Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số LN2103303548769 ngày 08/04/2021 và Hợp đồng tín dụng số 374-P-0222800 ngày 13/4/2021: Nội dung của hợp đồng thể hiện rõ về sự thỏa thuận của hai bên về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, mục đích sử dụng tiền vay, hình thức bảo đảm tiền vay. Ngân hàng đã giao đủ tiền cho phía chị H. Chị H đã để nợ quá hạn kéo dài từ ngày 10/7/2021 đến nay không thanh toán tiền gốc và tiền lãi, như vậy chị H đã vi phạm nghĩa vụ như thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị H không có văn bản trình bày ý kiến, không phản đối yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu chị H phải trả cho Ngân hàng V số tiền tính đến ngày 23/03/2022 là 1.098.431.068 đồng (Một tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi một nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng). Trong đó, nợ gốc là 978.971.195 đồng (chín trăm bảy tám triệu, chín trăm bảy một nghìn, một trăm chín lăm đồng), nợ lãi 114.997.598 đồng (Một trăm mười bốn triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm chín tám đồng); phạt chậm trả lãi là 4.462.293 đồng (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm chín mươi ba đồng) và các khoản phát sinh theo hợp đồng tín dụng các khoản phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Ngày 14/04/2022 Ngân hàng giao nộp bảng tính dư nợ của chị Dương Thị Thu H yêu cầu chị H trả cho ngân hàng tổng số tiền là 1.109.075.503đ trong đó nợ lãi là 124.972.491 và lãi phạt chậm trả là 5.131.817đ. Yêu cầu tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến ngày chị Dương Thị Thu H thanh toán hết nợ cho VPB là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hợp đồng thế chấp động sản. Để đảm bảo khoản nợ vay, chị H có ký hợp đồng thế chấp động sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ là 01 xe ô tô, nhãn hiệu VINFAST LUX A, khung số RPXAB2RSGLV003739; số máy: 201500040VF20SED; biển kiểm soát 36A-624.61 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của chị Dương Thị Thu H. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu chị H không trả nợ được nợ cho ngân hàng thì giao tài sản thế chấp phát mãi thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

[5] Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì chị H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ với Ngân hàng V là phù hợp theo Hợp đồng thế chấp động sản số LN2103303548769 ngày 08/04/2021 mà các bên đã ký kết. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các bên đương sự, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là $36.000.000 + (309.075.503 \times 3\%) = 45.272.000$ đồng (Bốn mươi lăm triệu, hai trăm bảy hai nghìn đồng). Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Khoản 1 Điều 6, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 275, 280, 292, 295, 299, 317, 318, 319, 320, khoản 7 Điều 323, khoản 1 Điều 351, Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, điểm e Điều 192; Khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235 BLTTDS. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước); Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Khoản 1 Điều 6, điểm b, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

3. Buộc chị Dương Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng V tổng số tiền là: 1.109.075.503đ (một tỷ một trăm lẻ chín triệu không trăm bảy lăm nghìn năm trăm lẻ ba đồng) trong đó nợ lãi là 124.972.491đ (một trăm hai mươi triệu chín trăm bảy hai nghìn bốn trăm chín mươi một đồng) và lãi phạt chậm trả là 5.131.817đ (năm triệu một trăm ba mươi nghìn tám trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày 15/4/2022, chị H còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V khoản tiền lãi theo các hợp đồng mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong số nợ trên cho Ngân hàng V.

4. Trường hợp chị Dương Thị Thu H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ của mình thì phía Ngân hàng V có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô, nhãn hiệu VINFAST LUX A, khung số RPXAB2RSGLV003739; số máy: 201500040VF20SED; biển kiểm soát 36A-624.61 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của chị Dương Thị Thu H để thu hồi nợ theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Chị Dương Thị Thu H phải chịu 45.272.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, hai trăm bảy hai nghìn đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho Ngân hàng V số tiền là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0007500 ngày 06/12/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA DS Huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quân